

Số: 20 /KH-UBND

Hòa Bình, ngày 05 tháng 02 năm 2018

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành trong việc cụ thể hóa Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”.

- Nhằm phát huy tiềm năng nội lực, lợi thế của tỉnh, tranh thủ tối đa các nguồn lực hỗ trợ của cộng đồng, xã hội thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030; góp phần nâng cao khả năng tự đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao tinh thần, vật chất cho người dân, đảm bảo công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

- Thực hiện Đề án đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội phải đúng trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả và bám sát đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phù hợp với định hướng, quy hoạch, chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh từng giai đoạn cụ thể; lồng ghép hiệu quả công tác trợ giúp xã hội trong các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển - kinh tế xã hội ở các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh. Trợ giúp xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động, cân đối nguồn lực của tỉnh và từng bước tiếp cận với mức sống tối thiểu từng thời kỳ; ưu tiên người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Trợ giúp xã hội phải đa dạng về mô hình, toàn diện cả về vật chất và tinh thần, có tính chia sẻ giữa nhà nước, xã hội và người dân; đảm bảo người dân gặp rủi ro được hỗ trợ kịp thời từ Nhà nước, các tổ chức và cộng đồng; phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu giai đoạn 2018 - 2020

a) 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; mở rộng người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, không có lương hưu và trợ cấp của Nhà nước sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được hưởng trợ cấp xã hội.

b) 50% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó có tối thiểu 10% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

2. Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025

- 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; phấn đấu xây dựng và thực hiện mức chuẩn trợ cấp xã hội của tỉnh; tổ chức triển khai áp dụng các chính sách trợ giúp đối với trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; tiếp tục nghiên cứu mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp xã hội.

- 70% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 30% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

3. Tầm nhìn đến năm 2030

- 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; tiếp tục mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng chính sách trợ cấp xã hội, trẻ em dưới 36 tháng, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp xã hội; mức trợ cấp xã hội được điều chỉnh phù hợp với khả năng của ngân sách.

- 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

III. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp uỷ Đảng, Chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của xã hội trong việc tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách trợ giúp xã hội. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp trong chỉ đạo, huy động nguồn lực và thực hiện trợ giúp xã hội.

2. Tuyên truyền nâng cao nhận thức

- Tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội, vận động xã hội nhằm thay đổi cách thức trợ giúp xã hội theo hướng tiên tiến, nâng cao nhận thức về nghĩa vụ và trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng

trợ giúp xã hội; tuyên truyền, phổ biến về các giải pháp, mô hình trợ giúp xã hội hiệu quả, gương điển hình vượt khó và nhân rộng trong cộng đồng.

- Xây dựng nội dung tuyên truyền đa dạng; mở các chuyên mục trên báo, trang tin điện tử, truyền hình về pháp luật, chính sách của Nhà nước và các hoạt động trợ giúp xã hội. Xây dựng các tài liệu tuyên truyền, dễ hiểu và đầy đủ thông tin.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giáo dục, truyền thông về trợ giúp xã hội. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm ưu tiên về thời điểm, thời lượng thông tin, truyền thông về trợ giúp xã hội.

3. Thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội

a) Chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên

- Triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội với phương châm công khai, minh bạch, đúng, đủ, kịp thời. Phần đầu đạt được sự đồng thuận, mức độ hài lòng ngày càng cao của đối tượng thụ hưởng.

- Tổ chức điều tra, rà soát, thống kê, tổng hợp đối tượng trợ giúp xã hội, các đối tượng cần trợ giúp xã hội, trên cơ sở đó nghiên cứu, đề xuất một số chính sách đặc thù của tỉnh để trợ cấp xã hội theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp

- Nghiên cứu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành một số định mức của địa phương để trợ giúp khẩn cấp theo hướng dựa trên mức độ thiệt hại, mức độ tổn thương, hoàn cảnh cụ thể và khả năng khắc phục rủi ro của cá nhân, hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, dịch bệnh, tác động của biến đổi khí hậu, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, nạn nhân của bạo lực gia đình, phụ nữ và trẻ em bị mua bán.

- Xây dựng một số chính sách của tỉnh để kịp thời khuyến khích các tổ chức, cá nhân, gia đình, cộng đồng tham gia trợ giúp khẩn cấp; lồng ghép trợ giúp khẩn cấp với các chương trình, kế hoạch liên quan ở các vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lụt, tác động của biến đổi khí hậu có sự hỗ trợ của Nhà nước.

4. Xây dựng, phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội

- Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, hình thức quản lý cơ sở trợ giúp xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa, bảo đảm phù hợp với khả năng huy động nguồn lực trợ giúp xã hội để phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội.

- Xây dựng mô hình gia đình, cá nhân nhận nuôi có thời hạn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người cao tuổi, người khuyết tật không có người chăm sóc, phụng dưỡng; mô hình dạy nghề gắn với tạo việc làm cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người khuyết tật và một số mô hình trợ giúp xã hội khác.

Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội công lập để có đủ điều kiện chăm sóc trợ giúp toàn diện cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó

khăn; khuyến khích, tạo điều kiện thành lập và hoạt động cho các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập.

5. Công tác quản lý Nhà nước về trợ giúp xã hội

- Triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương thống nhất một cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội; bảo đảm không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị có liên quan.

- Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, quy trình giải quyết chính sách trợ giúp xã hội dựa vào nhu cầu của người dân bảo đảm công khai, minh bạch.

- Thực hiện hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đối tượng, giải quyết, chi trả trợ cấp hội, nâng cao hiệu quả quản lý trong quá trình tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, đặc biệt chính sách trợ cấp xã hội, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội và các chính sách có liên quan đến hỗ trợ thực hiện.

6. Huy động, sử dụng nguồn lực trợ giúp xã hội

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của các sở, ban, ngành, địa phương để phân bổ ngân sách trợ giúp xã hội, đảm bảo việc thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí cho đối tượng sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập cung cấp theo khung giá và danh mục dịch vụ sự nghiệp công được pháp luật quy định.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn lực thực hiện trợ giúp xã hội, nhất là trợ giúp khẩn cấp.

7. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác trợ giúp xã hội, hình thành nghề công tác xã hội chuyên nghiệp và hoàn thiện mạng lưới cộng tác viên công tác xã hội trên địa bàn tỉnh.

Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên, cộng tác viên và gia đình về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, trợ giúp xã hội cho đối tượng; nâng cao năng lực cán bộ quản lý về trợ giúp xã hội.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước phù hợp với khả năng nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành. Huy động từ sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; lồng ghép với dự án phát triển trợ giúp xã hội đối với đối tượng yếu thế thuộc chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2018 - 2020 và các chương trình, đề án về trợ giúp xã hội khác.

2. Kinh phí tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên, cộng tác viên, gia đình đối tượng; sửa chữa, nâng cấp cơ sở bảo trợ xã hội và các mô hình

được thực hiện lồng ghép với các chương trình, đề án: trợ giúp phục hồi chức năng cho người tâm thần, phát triển nghề công tác xã hội đến năm 2020. Từ năm 2021 bố trí theo dự toán từ ngân sách nhà nước theo Kế hoạch này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, các sở, ngành, các tổ chức có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện kế hoạch và điều phối các hoạt động; đào tạo nâng cao năng lực cán bộ; tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư

Cân đối, bố trí kinh phí phù hợp với khả năng ngân sách của tỉnh, đảm bảo cho các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch thực hiện đề án; hướng dẫn, quản lý việc sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về trợ giúp xã hội.

4. Các Sở ngành liên quan: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động phối hợp triển khai các nội dung Kế hoạch này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động về trợ giúp xã hội trên địa bàn; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, lồng ghép kinh phí các chương trình, các đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Có trách nhiệm nắm bắt tình hình quản lý đối tượng trên địa bàn; định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện ở cơ sở báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh qua cơ quan thường trực (*Sở Lao động – Thương binh và Xã hội*).

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội. /

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- Chủ tịch UBND tỉnh
- Các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh
- Các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM (NL50).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

